

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ VỀ TRIẾT LÝ VÀ ĐỔI MỚI TƯ DUY GIÁO DỤC TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI

GS.VS. PHẠM MINH HẠC
Hội Khoa học Tâm lý-Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

1.1. Thuật ngữ

Trong ngữ hệ La tinh có thuật ngữ "Philosophy", tương đương ta có thuật ngữ "Triết học" và "Triết lý". Triết học, như chúng ta biết, là một khoa học về nguồn gốc của vật chất và tinh thần..., còn "triết lý", theo Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học (2007), "cái lý sâu xa mà phải vậy của mọi lý do, mọi sự vật trên đời". Nội dung "Triết lý giáo dục", tương đương ngữ hệ La tinh có "Philosophy of Education" hay "Educational Philosophy", theo từ điển nước ngoài (Bách khoa thư Stanford Wikipedia), là một phân môn của triết học vận dụng vào giáo dục tạo nên các tư tưởng giáo dục, xác định cách tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục, như đánh giá vai trò của giáo dục, bản chất của công việc giáo dục, quá trình giáo dục, đường lối, chính sách phát triển giáo dục, nội dung, chương trình giáo dục, phương pháp giáo dục, v.v... Xem trong tiến trình phát triển giáo dục từng thời kì ở nước ta có các thành tố này không, nhất là các tư tưởng về giáo dục đánh giá vai trò của giáo dục, đường lối phát triển giáo dục, các chính sách vận hành hệ thống giáo dục, chúng ta sẽ thấy triết lý giáo dục Việt Nam.

1.2. Thời sự

Ít năm nay, bàn luận về nền giáo dục nước nhà, dư luận xã hội trên các phương tiện thông tấn, báo chí nói nhiều đến "triết lý giáo dục" của ta; có thể tóm tắt thành 3 loại ý kiến: (1) Sở dĩ tình hình giáo dục của chúng ta như hiện nay (ý nói gần như phủ định, có khi đến mức phủ định sạch trơn thành tựu giáo dục mấy chục năm qua), là vì không có triết lý giáo dục; (2) Ngược lại, ghi nhận thành tựu, đồng thời thấy những bất cập của giáo dục nước nhà, khẳng định nhờ có triết lý giáo dục phù hợp mà có được hệ thống giáo

dục ngày nay; (3) Trong thời kì đổi mới, nhất là sau 25 năm đã đạt được nhiều kết quả to lớn và quan trọng, chúng ta phải xem xét lại triết lý giáo dục trước đây và xây dựng (cải tiến, bổ sung, thay đổi, hoàn thiện) một triết lý giáo dục thích hợp với thời nay. Sau đây là một số suy nghĩ ban đầu của chúng tôi, hi vọng góp phần làm sáng tỏ vấn đề.

2. Triết lý giáo dục Việt Nam

2.1. Từ Cách mạng Tháng Tám 1945

Cách mạng Tháng Tám 1945 mở ra Thời đại Ánh sáng của nước ta. Khó có ai có thể phủ nhận sự thật này. Nhiều tác giả, trong đó có tôi, đã nêu lên các thành tựu 65 năm của nền giáo dục Việt Nam. Các tổ chức giáo dục quốc tế cũng như các nhà nghiên cứu giáo dục nhiều nước đều đã ghi nhận như vậy (Phạm Minh Hạc, 2010)¹. Từ khẳng định khách quan đó, điều quan trọng là đi đến khẳng định về triết lý giáo dục của Thời đại Ánh sáng Việt Nam, manh nha từ Đông kinh nghĩa thực (1905), rồi Truyền bá quốc ngữ (1938), nổi bật từ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, Cách mạng Tháng Tám, cho đến thời nay là một dòng liên tục phát triển, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Triết lý giáo dục Hồ Chí Minh

Nhiều nhà nghiên cứu đã viết về tư tưởng Hồ Chí Minh, cả trong nước lẫn ngoài nước, nhất là năm nay nhân dịp kỉ niệm 120 năm ngày sinh của Người, trong đó nhiều tác giả viết về đề tài Hồ Chí Minh về giáo dục, giáo sư Thái Duy Tuyên đã đếm được 144 lần Bác viết và nói về giáo dục, riêng tôi cũng tham gia đóng góp chút ít (Phạm Minh Hạc, 2003; Thái Duy Tuyên, 2007)². Chúng ta đều nhớ đến thuộc lòng câu Bác nói trong "Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày



3-9-1945: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"³ có ý nghĩa vô cùng khái quát. Bác gọi là "nạn dốt" - chữ "dốt" có nghĩa rất rộng, từ mù chữ, đến học thấp, ít học, mà biến học thì vô cùng, bây giờ có "mù máy tính", "mù ngoại ngữ", v.v..., có khi có học mà dốt không biết giải quyết vấn đề, không biết xử trí, nên ngay từ năm đó Bác đã gọi là "giặc dốt", mà đã là giặc thì nó có thể giết mình. Muốn hết, nói đúng hơn, bớt dốt, cần cả nền học vấn và biết vận dụng thích hợp giải quyết vấn đề. Dân ta đã thoát nạn mù chữ, đã phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở, trình độ dân trí đã được nâng cao, sức mạnh tinh thần được nâng lên rõ rệt, biết phát huy sức mạnh vật chất, nên ta đã thắng kẻ thù xâm lược, đã thành công bước đầu trong công cuộc đổi mới, nhưng hiện nay giáo dục đang gặp biết bao khó khăn, nhiều "điểm dốt", "điểm yếu" anh em chúng ta vô cùng trần trở. Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường sau ngày Tuyên ngôn Độc lập 2-9-1945, Hồ Chủ tịch đã đưa ra cả một minh triết giáo dục nước nhà với tinh thần chủ đạo là giáo dục "người công dân tốt, người cán bộ tốt", ai cũng thấy được: Người đặt nhiệm vụ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là phải xây dựng "một nền giáo dục của một nước độc lập... một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam..." với sứ mệnh "làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em". Người đã xác định vai trò cực kì quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển đất nước: "Trong công cuộc kiến thiết... nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc hay không, chính là nhờ phần lớn ở công học tập của các em"⁴. Sáu mươi lăm năm qua, dân ta, Đảng ta đã làm theo cách suy nghĩ đó. Đất nước được như ngày hôm nay, không thể đánh giá thấp sự nghiệp giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh: một triết lí sáng suốt, phù hợp đã đem lại kết quả tốt đẹp. Suốt từ 1945 đến nay, nhất là mấy năm gần đây (2006-2010) ngành ta tích cực hưởng ứng cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt Nam là một nội dung của triết lí

nhân sinh bao đời nay của người Việt với tư tưởng về giáo dục của Hồ Chủ tịch đã đạt đỉnh cao phát triển mới.

2.3. Các Đại hội Đảng

Theo triết lí giáo dục Hồ Chí Minh, Đảng ta (các văn kiện Đại hội II, III, IV, V) và nhân dân ta theo truyền thống hiếu học (đây cũng là một nội dung quan trọng của triết lí giáo dục Việt Nam) đã kiên trì, liên tục, kể cả trong những năm tháng kháng chiến vô cùng ác liệt, tích cực xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục dân chủ nhân dân (sau năm 1975 - hệ thống giáo dục của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam) theo 3 tính chất "Dân tộc, Khoa học, Đại chúng", bắt đầu từ diệt giặc dốt - xoá mù chữ, rồi phổ cập giáo dục, coi trọng giáo dục thường xuyên, đồng thời sớm bắt tay xây dựng nền đại học Việt Nam, tất cả các bậc học, kể cả đại học (dạy tất cả các môn bằng tiếng Việt), qua 3 cuộc cải cách giáo dục (1950, 1956, 1979) và Đổi mới, xây dựng một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh từ mầm non đến sau đại học, theo đuổi mục tiêu giáo dục toàn diện: đức, trí, thể, mỹ (cần phân biệt "nền giáo dục toàn diện", "phát triển toàn diện", "con người toàn diện" - chúng ta chủ yếu đang triển khai "nền giáo dục toàn diện"); nguyên lí giáo dục: (1) học đi đôi với hành; (2) giáo dục gắn với lao động sản xuất; (3) nhà trường kết hợp với xã hội và gia đình (theo kết luận của Đại hội III, 1960).

Sơ kết 5 năm (1979 - 1984) thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba, Đảng đã đề xuất một phương hướng mới: xây dựng trường phổ thông dạy kiến thức cơ bản, kĩ thuật tổng hợp và dạy nghề (Phạm Văn Đồng, 1984)⁶.

2.4. Triết lí giáo dục Việt Nam thời đổi mới

Sau mấy thập kỉ chiến tranh, nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng liên 10 năm (1975 - 1985), đời sống rất cực khổ, giáo dục nhiều nơi khá lao đao (trường vỡ từng mảng, giáo viên bỏ dạy, học sinh bỏ học), Đại hội VI (1986) Đảng ta quyết định mở ra thời kì đổi mới đất nước, bắt đầu từ đổi mới tư duy, trong đó có đổi mới tư duy giáo dục:

Khắc phục các quan niệm phiến diện về giáo dục, như (1) chỉ coi giáo dục là một bộ phận của cách mạng tư tưởng - văn hoá, (2) coi giáo dục



là phúc lợi đơn thuần, đầu tư đến đâu hay đến đó; (3) tính chất nhà trường chủ yếu hạn chế trong truyền thụ tri thức; (4) chưa chú ý thích đáng vai trò của học sinh là một trong hai (cùng với nhà giáo) chủ thể của hoạt động dạy - học; (5) chưa khẳng định thật rõ vai trò của nhà giáo trong nhà trường (Phạm Minh Hạc, 1996)⁵. Giữa những năm 1980 đã vận dụng tâm lí học hoạt động, xác định quá trình giáo dục và dạy học là hoạt động dạy - học, nội dung chương trình các bộ môn ở phổ thông gồm tri thức, kĩ năng, thái độ (dạy chữ, dạy nghề, dạy người; Bộ Giáo dục, 1985, 1990).

10 tư tưởng chỉ đạo và 3 chương trình phát triển giáo dục - đào tạo

Từ đó (mùa hè năm 1987), Đảng đã xác định 10 tư tưởng chỉ đạo và 3 chương trình giữ vững, củng cố, ổn định, phát triển sự nghiệp giáo dục như sau:

- Giáo dục tích cực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng;
- Kế hoạch phát triển giáo dục là bộ phận của kế hoạch kinh tế - xã hội;
- Chất lượng và hiệu quả, trước mắt và lâu dài, kịp thời và đón đầu;
- Phát triển theo vùng, phổ cập và nâng cao, đại trà và mũi nhọn;
- Giáo dục toàn diện, trò ra trò, học ra học;
- Hệ thống giáo dục đa dạng, linh hoạt, dân chủ hoá giáo dục: dân chủ hoá nhà trường, dân chủ hoá quản lí giáo dục;
- Thầy ra thầy, dạy ra dạy: cải cách đào tạo đại học và chuyên nghiệp; cải thiện cơ sở vật chất: trường ra trường, lớp ra lớp;
- Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục, nghiên cứu khoa học - lao động sản xuất⁶.

Cương lĩnh Đảng Cộng sản Việt Nam 1991

Cương lĩnh Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) khẳng định tư tưởng lấy "Con người làm mục tiêu và động lực" của toàn bộ công cuộc phát triển đất nước theo lí tưởng "Độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội". Theo đó, Đảng và Nhà nước rất quan tâm phát triển giáo dục (bao gồm cả đào tạo), coi giáo dục cùng với giao thông là cơ sở hạ tầng của kinh tế - xã hội, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển.

Hội nghị Trung ương 4 khoá VII (1993)

Cùng với một số vấn đề khác, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá VII (1993) "Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục - đào tạo", khẳng định đường lối coi "giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu"; sứ mệnh của sự nghiệp giáo dục - đào tạo là "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" nhằm mục tiêu đào tạo những con người có đức, có tài: có kiến thức văn hoá, khoa học, có kĩ năng nghề nghiệp; chú trọng chất lượng và hiệu quả; theo nguyên lí gần học và hành.

Hội nghị Trung ương 2 khoá VIII (1996)

Đây là Hội nghị đầu tiên của toàn khoa chuyên bàn và ra nghị quyết về giáo dục - đào tạo và khoa học, công nghệ, tiếp tục vận dụng vào cuộc sống đường lối, tư tưởng về giáo dục và đào tạo của Hồ Chủ tịch và Đảng ta, Hội nghị Trung ương lần này nhấn mạnh tư tưởng: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa bằng giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, đầu tư cho giáo dục là đầu tư ưu tiên (quốc sách hàng đầu: ưu tiên về tài chính, về cán bộ, về chính sách) cơ bản, quan trọng nhất, phát triển giáo dục phải đi trước một bước, đặt kế hoạch phát triển giáo dục trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội một cách gắn bó chặt chẽ hơn, chú ý cả quy mô, chất lượng, hiệu quả. Đảng và Nhà nước phải tổ chức, quản lí phát triển giáo dục - đào tạo tốt hơn, kiên định chủ trương không thương mại hoá giáo dục, thực hiện công bằng trong giáo dục.

Nhìn lại quá trình phát triển giáo dục Việt Nam 1945 - cuối thế kỉ XX, suy nghĩ "Tiến tới thế kỉ XXI", tôi đề xuất phát triển giáo dục nước nhà theo hướng: chuẩn hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá, xã hội hoá, đa dạng hoá. Ý tưởng này đã được đưa thành phương châm Chiến lược giáo dục 2001 - 2010 (trừ dân chủ hoá)⁷.

Luật Giáo dục (1998, 2005, 2009)

Mục tiêu giáo dục: đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện...(điều 2); tính chất nền giáo dục xã hội chủ nghĩa: nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại; 4 nguyên lí giáo dục (điều 3); nội dung bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, hệ thống (điều 5), chính thức hoá triết lí của nền giáo dục nước nhà.

Gần đây Bộ GD&ĐT phát động phong trào xây dựng "Nhà trường thân thiện, học sinh tích cực"; Thủ tướng quyết định đổi mới quản lí giáo dục đại học theo nguyên tắc "tự chủ, tự chịu trách nhiệm" ("đại học tự trị" ở châu Âu từ năm 1155, đến nay vẫn thịnh hành ở nhiều nước); văn kiện Trung ương trình Đại hội XI lấy đào tạo nhân lực là khâu đột phá thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020... phản ánh những nét mới trong đổi mới tư duy - triết lí giáo dục nước nhà vào thập kỉ thứ hai của thế kỉ mới.

2.5. Một đề xuất

Giá trị bản thân - một nét đặc trưng triết lí giáo dục thời nay

Cuối thế kỉ XX, một số tổ chức giáo dục quốc tế, như UNESCO, UNICEF, và một số nước tổ chức hội thảo, lập mạng, hình thành cơ quan... về giáo dục giá trị. Đến năm 2006, Tổ chức giáo dục giá trị quốc tế đưa ra 12 giá trị sống: hoà bình, tôn trọng, yêu thương, khoan dung, trung thực, khiêm tốn, hợp tác, hạnh phúc, trách nhiệm, giản dị, tự do, đoàn kết, được phổ biến rộng rãi, có nhiều dự án tổ chức giảng dạy ở nhiều nước. Ở nước ta một ít trường, trung tâm (trong đó có Trung tâm của Hội khoa học tâm lí - giáo dục Việt Nam) đã bắt đầu tiến hành dạy "Giá trị sống - Kỹ năng sống" (có khi nói gọn là dạy "Kĩ năng sống").

Sau một thời gian (1991 - 2010), nghiên cứu Giá trị học, tham khảo kinh nghiệm một số nước, tôi mạnh dạn đề xuất phạm trù (khái niệm công cụ - tiếng Anh: Paradigm) GIÁ TRỊ BẢN THÂN như là một nét mới của tư duy (triết lí) giáo dục trong thời kì phát triển xã hội với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở tiếp tục đường lối giáo dục Hồ Chí Minh và Đảng ta, phát huy truyền thống hiếu học của dân ta, hơn bao giờ hết vị trí con người được nâng cao, phát triển bền vững tiềm năng con người, tận dụng nguồn nhân lực được đào tạo có tay nghề và lương tâm nghề, lấy người tài làm đầu tàu, nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục là giúp thế hệ trẻ hình thành, phát triển, phát huy "giá trị bản thân" - "lực lượng bản chất" - tâm lực, trí lực, thể lực của từng người, từ đó có nguồn nhân lực (nhân tài là đầu tàu) tạo nên sức mạnh

- nội lực - của cộng đồng (gia đình, xã hội...). Giáo dục ở đây hiểu theo nghĩa rộng, cả giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình, giáo dục xã hội, cả giáo dục và tự giáo dục (tuỳ lứa tuổi, tự hình thành, tự phát triển, tự phát huy), cả giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên - giáo dục suốt đời.

Nhằm vào mục đích đó, nền giáo dục của chúng ta thực sự là nền giáo dục nhân văn, nhân bản: phát triển bền vững con người, phát triển bền vững cộng đồng, phát triển bền vững quốc gia - dân tộc.

Giá trị bản thân là giá trị sống của mỗi người, bao gồm tâm lực, trí lực, thể lực - tổ hợp năng lực được xây dựng từ tri thức, thái độ giá trị (nhân cách) thành kĩ năng - hành động, hành vi tiến hành các hoạt động (học tập, lao động, nghỉ ngơi, hưởng thụ) bảo đảm cuộc sống (sự tồn tại) của bản thân: thực hiện quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc (Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ - 1776, Việt Nam - 1945) là 3 quyền cơ bản nhất của con người cũng là nhu cầu cơ bản của con người. Giá trị bản thân là "vốn" thực lực - các giá trị nội tại bảo đảm tự mình thoả mãn từ các nhu cầu cơ bản đến các nhu cầu khác, cao nhất là nhu cầu tự khẳng định mình.

Giá trị bản thân do hoạt động của chính mỗi người tạo nên, sống thật với chính mình, tự mình "lựa chọn" mục đích, động cơ của từng công việc, từng đoạn đường đời và cả cuộc đời, tự quyết định "thân phận" của mình, làm sao mỗi con người sớm có (tất nhiên tuỳ theo lứa tuổi) và ngày càng tự hoàn thiện định hướng giá trị động viên tích cực, chủ động, sáng tạo. Định hướng giá trị theo hướng tích cực xác định cách tiếp cận (thái độ giá trị) với các giá trị của cộng đồng (từ gia đình, trường học..., dân tộc, nhân loại), có tinh thần trách nhiệm với gia đình và xã hội. Trên cơ sở đó, xây dựng và phát triển quan điểm coi trọng giá trị bản thân, giá trị của người khác, của tập thể... Biết tự đánh giá và đánh giá người khác, cộng đồng, xã hội.

Điều cực kì quan trọng là hiệu quả của giá trị bản thân, trước hết do chính mỗi người phải phát huy tác dụng của giá trị bản thân trong học tập, lao động, cuộc sống..., như là "liên hệ ngược - feedback" trong điều khiển học, càng phát huy

tốt - giá trị bản thân càng nảy nở. Ở đây có vấn đề môi trường cho giá trị bản thân phát huy và phát triển: cộng đồng, xã hội có coi trọng "nhân tố con người" trong phát triển xã hội - kinh tế hay không, và Nhà nước (các thể chế, chế độ, chính sách...) có nhằm vào phát triển bền vững con người, có coi nguồn nhân lực với nhân tài là đầu tàu - nội lực quan trọng nhất, yếu tố quyết định sự phồn vinh, thịnh vượng của quốc gia - dân tộc hay không, tạo thuận lợi cho mọi người sử dụng mọi năng lực, cả tiềm tàng và hiện hữu.

Giá trị bản thân mà nền giáo dục nhằm tới gắn bó với Hệ giá trị chung của người Việt Nam thời nay, theo chúng tôi đề xuất, có thể là:

Trên cơ sở các giá trị chung của loài người, như tính người, tình người; các giá trị toàn cầu, như hoà bình, hợp tác, phát triển; các giá trị dân tộc, như tinh thần dân tộc, tính cộng đồng; các giá trị gia đình, như hoà thuận, hiếu thảo, giá trị bản thân gồm: (1) yêu nước, (2) dân chủ, (3) trách nhiệm với gia đình, cộng đồng, (4) cần cù, (5) tư duy duy lý - khoa học, (6) chính trực, (7) lương thiện, (8) thích nghi, (9) sáng tạo, (10) chí hướng - cầu tiến.

3. Kết luận

3.1. Tóm lại, triết lý giáo dục Việt Nam thời nay, theo tôi, có thể là:

Đường lối: **giáo dục là quốc sách hàng đầu.**

Sứ mệnh: **nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.**

Phương châm phát triển: **chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá.**

Xây dựng **nền giáo dục nhân văn, nhân bản với hạt nhân là giá trị bản thân.**

3.2. Vận dụng

Triết lý giáo dục, nói vắn gọn, là các tư tưởng chỉ đạo việc xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, cả tầm vĩ mô và vi mô: tầm quốc gia là hoạch định đường lối (các luật giáo dục...), chiến lược, chính sách (chính sách lương, đãi ngộ, tôn vinh...), chủ trương lớn..., quản lý ngành: điều lệ trường học, các chuẩn, nội dung giảng dạy, chương trình các bộ môn, các điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động dạy - học, như làm sao trong 5 - 10 năm nữa cả nước (1) đủ trường, lớp học, thiết bị dạy học; (2) đủ về số

lượng, cơ cấu, chất lượng (tay nghề và lương tâm nghề) nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; (3) có đủ sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập đúng chuẩn (như các nước phát triển, không sai sót, khắc phục quá tải...).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nina Cobb (chủ biên), *Tương lai của giáo dục*, Hội đồng thi tuyển College xuất bản ở Mỹ (tiếng Anh), 1994.
2. Phạm Minh Hạc, *Giá trị học - cơ sở khoa học của việc xây dựng hệ giá trị chung của người Việt Nam thời nay*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010.
3. Phạm Minh Hạc, *Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010.
4. Phạm Minh Hạc, *Về giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
5. Thái Duy Tuyên, *Triết học giáo dục Việt Nam*, NXB ĐHSP Hà Nội, 2007.
6. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. tr.8. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
7. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tr. 32-33.
8. Phạm Minh Hạc, *Phát triển giáo dục - phát triển con người phục vụ phát triển xã hội - kinh tế*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.
9. Phạm Minh Hạc, *Mười năm đổi mới giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
10. Phạm Văn Đồng, *Bài nói với giáo viên và cán bộ giáo dục nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11-1984*.
11. Phạm Minh Hạc, *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỉ XXI. Thay Lời kết: tiến tới thế kỉ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999; tái bản, 2.

SUMMARY

The author presents some thoughts about education philosophy and innovation of Vietnamese education thinking since August revolution 1945. Based on that the author proposes the concept of self-value which is being geared by the education as a new feature of education philosophy in the social development and socialist orientated market economy, modernization, industrialization and internationalization.